

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN
VỀ LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT THỐNG KÊ**

MỤC LỤC

SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT THỐNG KÊ.....	4
1. Kết quả đạt được khi thực hiện Luật Thống kê	4
2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia.....	8
3. Thuận lợi khi thực hiện Luật Thống kê.....	10
4. Hạn chế, bất cập khi thực hiện Luật Thống kê.....	11
5. Cơ sở để sửa đổi, bổ sung Phụ lục – Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2013/QH13.....	12
6. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê.....	13
7. Tại sao lại bổ sung quy định về quy trình biên soạn GDP, GRDP và rà soát về việc đánh giá lại quy mô GDP báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội?	13
NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ.....	15
8. Quan điểm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê	15
9. Phạm vi, nội dung sửa đổi, bổ sung.....	15
10. Đối tượng áp dụng của Luật sửa đổi, bổ sung.....	15
11. Nguyên tắc xây dựng, sửa đổi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê	16
PHỤ LỤC - DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA	17
12. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là gì?.....	17
13. Dự thảo Phụ lục – Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê kết cấu như thế nào? ...	17
14. Nội dung của chỉ tiêu gồm: khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp được quy định như thế nào?... ..	18
15. Tiêu chí phân biệt chỉ tiêu thống kê quốc gia với chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.....	18

16. Nguyên tắc xây dựng, lựa chọn chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.....	19
17. Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh, giám sát những chính sách nào?.....	20
18. So với danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13, Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia lần này thay đổi như thế nào?	21

SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT THỐNG KÊ

1. Kết quả đạt được khi thực hiện Luật Thống kê

a. Khuôn khổ thể chế

Để triển khai thực hiện Luật Thống kê, Chính phủ đã ban hành các văn bản dưới Luật tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho công tác thống kê:

- Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

- Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê;

- Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

- Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

- Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

- Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

- Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

- Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

- Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam;

- Quyết định số 11/2018/QĐ-TTg ngày 01/3/2018 ban hành bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của hộ gia đình Việt Nam;

- Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê.

b. Thực tiễn triển khai Luật Thống kê

Sau 05 năm thực hiện Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có những tác động tích cực đối với công tác thống kê, thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

- Luật Thống kê đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thống kê; khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của công tác thống kê; vị trí pháp lý của cơ quan thống kê, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thống kê ngày càng được tăng cường;

- Sự phối hợp giữa cơ quan thống kê Trung ương với thống kê Bộ, ngành có những bước tiến đáng kể;

- Chất lượng thông tin thống kê từng bước được nâng lên phục vụ kịp thời yêu cầu của các cơ quan Đảng, Chính phủ và các địa phương trong công tác hoạch định và điều hành chính sách vĩ mô, thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế của đất nước và giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống kinh tế, xã hội;

- Số liệu thống kê của Việt Nam ngày càng được nhiều tổ chức trên thế giới công nhận.

(1) Một số kết quả đạt được đối với hệ thống thống kê tập trung

- Về cơ cấu, tổ chức:

Mô hình tổ chức ngành thống kê được đổi mới, hoạt động có hiệu quả, hệ thống thống kê từ Trung ương tới địa phương được củng cố, trình độ năng lực của người làm công tác thống kê ngày càng được nâng cao, góp phần vào việc đảm bảo các thông tin cho hệ thống thống kê nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

- Về hoạt động thống kê:

+ Hệ thống thông tin thống kê được tập trung, thống nhất, thông suốt và hiệu quả, với số lượng, chất lượng thông tin thống kê ngày càng đầy đủ và được nâng cao.

+ Công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ trong hoạt động thống kê, từng bước triển khai, áp dụng các công nghệ tiên tiến không chỉ trong tổng hợp, xử lý dữ liệu điều tra, dữ liệu báo cáo, mà trong cả khâu thu thập dữ liệu ban đầu, sử dụng máy tính bảng (CAPI) thay cho phiếu điều tra giấy (PAPI) và điều tra trực tuyến - webform trong một số cuộc điều tra, tổng điều tra.

+ Đẩy mạnh khai thác và sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê; giải quyết tình trạng báo cáo số liệu chồng chéo, không thống nhất giữa cơ quan thống kê Trung ương và thống kê Bộ, ngành; thông tin thống kê ngày càng đầy đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành của Bộ, ngành, Chính phủ và chính quyền địa phương.... Từ đó, góp phần tích cực trong công tác hoạch định, điều hành chính sách, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

+ Công tác thẩm định về hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê, điều tra thống kê lần đầu tiên được đưa vào Luật Thống kê đang là một khâu

quan trọng trong việc nâng cao chất lượng thu thập, tổng hợp số liệu thống kê của các Bộ, ngành, địa phương.

- Về công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Thống kê và phổ biến thông tin thống kê:

+ Căn cứ Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thống kê, toàn ngành Thống kê đã triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra chấp hành Luật Thống kê từ Trung ương đến địa phương nhằm nâng cao được nhận thức về pháp luật nói chung và Luật Thống kê nói riêng. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, thực hiện hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê đã cơ bản nhận thức được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc triển khai, thực hiện các hoạt động thống kê cũng như chấp hành công tác điều tra và báo cáo thống kê trên địa bàn.

+ Nhận thức của người dân về mục đích, ý nghĩa, vai trò, vị trí quan trọng của công tác thống kê đối với nhiệm vụ quản lý phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương ngày càng được nâng cao. Từ đó đã chủ động phối hợp, thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động thống kê.

+ Căn cứ vào Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thống kê, hàng năm Tổng cục Thống kê đều công khai lịch phổ biến thông tin thống kê, thông tin thống kê đã được phổ biến kịp thời, đầy đủ, rộng rãi, công khai, minh bạch bằng nhiều hình thức: Trang thông tin điện tử của cơ quan thuộc hệ thống thống kê nhà nước, hạp báo, thông cáo báo chí, phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản phẩm.

- Về công tác thanh tra thống kê đã và đang được thực hiện, ngày một đi vào nề nếp và phát huy tác dụng tích cực, góp phần quan trọng, thiết thực bảo đảm việc thu thập, tổng hợp và báo cáo số liệu thống kê được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, chất lượng báo cáo thống kê ngày một tiến bộ, đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê ngày càng cao của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê nói chung và công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước nói riêng.

- Về công tác phối hợp giữa cơ quan thống kê Trung ương (Tổng cục Thống kê) với các Bộ, ngành: Tổng cục Thống kê đã chủ động xây dựng và ký kết thỏa thuận chia sẻ thông tin thống kê với các Bộ, ngành để kịp thời cập nhật thông tin thống kê từ Bộ, ngành nhằm tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia. Tính đến 8/2021, Tổng cục Thống kê đã ký thỏa thuận chia sẻ thông tin với 9 Bộ, ngành. Đây là kênh thông tin thống kê rất quan trọng và hữu ích, tận dụng được dữ liệu hành chính phát sinh trong quá trình hoạt động của Bộ, ngành với chi phí thấp, giá trị thông tin có tính tin cậy cao. Đặc biệt là những thông tin thống kê liên quan đến doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp, thuế, xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu,...

- Về công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê được đẩy mạnh, số liệu thống kê được nhiều tổ chức quốc tế công nhận và sử dụng trong công tác nghiên cứu và xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

(2) Một số kết quả đạt được đối với hoạt động thống kê Bộ, ngành

Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã phân cấp quản lý hệ thống thông tin thống kê, quy định rõ phạm vi quản lý, trách nhiệm thu thập, tổng hợp thông tin thống kê của từng ngành, lĩnh vực do Bộ, ngành quản lý.

- Về hoàn thiện khung pháp lý: Trên cơ sở Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các Bộ, ngành đã xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác thống kê: Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành, chế độ báo cáo thống kê Bộ, ngành.

- Về tổ chức, biên chế cho người làm công tác thống kê: Căn cứ vào Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, các Bộ, ngành đã dần hình thành bộ máy, tổ chức và biên chế cho công tác thống kê.

- Về hoạt động thống kê: Các Bộ, ngành tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê và tăng cường thu thập thông tin qua hồ sơ hành chính đảm bảo thu thập tổng hợp và biên soạn đầy đủ các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các chỉ tiêu thống kê thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành tránh chồng chéo trong thu thập, tổng hợp thông tin, đảm bảo thống nhất trong việc công bố, phổ biến thông tin thống kê.

- Về công tác phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong công tác thống kê: Các Bộ, ngành đã quan tâm, chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thu thập, tổng hợp, xử lý, phân tích và phổ biến thông tin thống kê. Cơ sở dữ liệu các ngành đang được xây dựng, vận hành và hoàn thiện.

- Về công tác phổ biến thông tin thống kê: Các Bộ, ngành đã tuân thủ các quy định về phổ biến thông tin thống kê, đưa các thông tin thống kê lên cổng thông tin điện tử, biên soạn và xuất bản các ấn phẩm thống kê đảm bảo minh bạch thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng dùng tin được tiếp cận với số liệu thống kê, nâng cao hiệu quả của số liệu thống kê. Số liệu thống kê đã đóng góp thiết thực cho công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của các Bộ, ngành.

- Thời gian qua, công tác phối hợp và chia sẻ thông tin giữa thống kê Bộ, ngành và Tổng cục Thống kê ngày càng được quan tâm và đi vào thực chất hơn trong các khâu: Thu thập, tổng hợp, xử lý, cung cấp, phổ biến thông tin, trao đổi nghiệp vụ thống kê. Hầu hết Bộ, ngành thực hiện tốt việc cung cấp, phổ biến

thông tin thống kê về tình hình phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý cho Tổng cục Thống kê thông qua hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm danh mục chỉ tiêu và nội dung chỉ tiêu. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê năm 2015 gồm 20 lĩnh vực với 186 chỉ tiêu. Nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được ban hành theo Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Mỗi chỉ tiêu thống kê quốc gia được chuẩn hóa theo các tiêu chí gồm: Khái niệm, phương pháp tính; phân tổ chủ yếu; kỳ công bố; nguồn số liệu; cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.

(1) Tình hình thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia

Đề thu thập, tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành:

- Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ

Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia gồm 114 biểu mẫu báo cáo thống kê áp dụng đối với 21 Bộ, ngành, được chia thành 2 phần: Danh mục biểu mẫu báo cáo; Biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng cho từng Bộ, ngành.

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 50 cuộc điều tra các loại, trong đó có 3 cuộc Tổng điều tra (Tổng điều tra dân số và nhà ở, Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và Tổng điều tra kinh tế) và 47 cuộc điều tra thống kê (điều tra toàn bộ, điều tra chọn mẫu). Theo Chương trình này, Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện 35 cuộc điều tra thống kê (chiếm 70%), Bộ, ngành (09 Bộ, ngành) chủ trì thực hiện 15 cuộc điều tra thống kê (chiếm 30%).

- Xây dựng và ký kết thỏa thuận chia sẻ thông tin thống kê giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) với các Bộ, ngành để kịp thời cập nhật thông tin thống kê từ Bộ, ngành nhằm tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia

Tính đến ngày 30/5/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã ký thỏa thuận chia sẻ thông tin với 8 Bộ, ngành. Đây là kênh thông tin thống kê rất quan trọng và hữu ích, tận dụng được dữ liệu hành chính phát sinh trong quá trình hoạt động của Bộ, ngành với chi phí thấp, giá trị thông tin có tính tin cậy cao. Đặc biệt là những thông tin thống kê liên quan đến doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp, thuế, xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu,...

- Bộ, ngành ban hành chế độ báo cáo thống kê và chương trình điều tra thống kê phục vụ cho việc thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia và chỉ tiêu thống kê của Bộ, ngành. (Danh sách Bộ, ngành ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê, chương trình điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê theo phụ lục I).

(2) Tình hình thu thập, tổng hợp và công bố các chỉ tiêu thống kê quốc gia

Sau khi Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được ban hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và Bộ, ngành liên quan đã tích cực chủ động triển khai thực hiện các chỉ tiêu theo quy định. Tuy nhiên, mỗi chỉ tiêu thống kê quốc gia thường phân tổ theo nhiều tiêu thức với kỳ công bố khác nhau. Do vậy, không phải tất cả các chỉ tiêu đều có thể thực hiện được đầy đủ phân tổ và kỳ công bố đúng quy định. Sau gần 5 năm triển khai thực hiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiến hành đánh giá tình hình thu thập, tổng hợp và công bố các chỉ tiêu thống kê quốc gia theo 3 mức độ: (1) thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ; (2) thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ và (3) chưa thu thập, tổng hợp. Cụ thể như sau:

Stt	Tình hình thực hiện	Số lượng chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1	Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ	110	59,14
2	Thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ	67	36,02
3	Chưa thu thập, tổng hợp	9	4,84
	Tổng số	186	100,00

- Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ

Trong 110 chỉ tiêu đã được thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện được 64 chỉ tiêu và Bộ, ngành thực hiện được 46 chỉ tiêu. Những chỉ tiêu này chủ yếu có kỳ công bố năm và có nguồn số liệu ổn định, do vậy, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp không gặp khó khăn trong quá trình thực hiện chỉ tiêu. (Danh mục chỉ tiêu thống kê đã được thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ theo phụ lục II).

- Thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ

Trong 67 chỉ tiêu đã được thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện được 36 chỉ tiêu và Bộ, ngành thực hiện được 31 chỉ tiêu. Đây là những chỉ tiêu đã được triển khai thu thập, tổng hợp nhưng chưa có số liệu đầy đủ theo phân tổ và kỳ công bố như quy định, cụ thể:

+ Có 4 chỉ tiêu mới công bố được tổng số, chưa có số liệu theo phân tổ (0402 - Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so với tổng sản phẩm trong nước; 0403 - Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR); 1002 - Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống; 1003 - Doanh thu dịch vụ khác).

+ Có 3 chỉ tiêu đã được thu thập, tổng hợp nhưng số liệu chưa bảo đảm, cần có thời gian nghiên cứu và thử nghiệm trước khi công bố (0708 - Tỷ lệ cán cân vãng lai so với tổng sản phẩm trong nước; 1107 - Chỉ số giá bất động sản; 1201 - Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải).

+ Những chỉ tiêu khác chưa thu thập đầy đủ phân tổ theo quy định.

(Danh mục chỉ tiêu thống kê đã được thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ theo phụ lục III).

- Chưa thu thập, tổng hợp

Trong 09 chỉ tiêu chưa được thu thập, tổng hợp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) còn 07 chỉ tiêu và Bộ, ngành còn 02 chỉ tiêu. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc chưa triển khai thực hiện các chỉ tiêu nêu trên, trong đó nguyên nhân chủ yếu như sau:

+ Một số chỉ tiêu chưa đến kỳ công bố. Đây là những chỉ tiêu có kỳ công bố dài (10 năm, 5 năm) và được thực hiện qua điều tra thống kê, trong khi Nghị định số 97/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016, do vậy chưa đến kỳ thực hiện và công bố số liệu chỉ tiêu. (Ví dụ: Chỉ tiêu “1906 - Tỷ lệ dân số từ mười lăm tuổi trở lên bị bạo lực” có kỳ công bố 10 năm; chỉ tiêu “0302 - Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính” có kỳ công bố 5 năm,...).

+ Một số chỉ tiêu khó thực hiện, do vậy Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và Bộ, ngành cần có thời gian nghiên cứu hoàn thiện phương pháp tính để thực chỉ tiêu thống kê quốc gia theo đúng quy định.

(Danh mục chỉ tiêu thống kê chưa thu thập, tổng hợp theo phụ lục IV).

3. Thuận lợi khi thực hiện Luật Thống kê

- Được sự quan tâm của Lãnh đạo các cấp về công tác thống kê và số liệu thống kê, đặc biệt là sự quan tâm của Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đã được đẩy mạnh làm chuyển biến tích cực cả về nhận thức và hành động của các tổ chức, cá nhân về vai trò của công tác thống kê, số liệu thống kê.

- Sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành trong việc triển khai thực hiện Luật Thống kê.

- Sự hỗ trợ chuyên môn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trong việc thu thập, tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu thống kê.

4. Hạn chế, bất cập khi thực hiện Luật Thống kê

- Lực lượng làm công tác thống kê còn rất mỏng, thiếu người. Một số Sở, ngành không bố trí cán bộ, công chức làm thống kê chuyên trách, chủ yếu làm công tác kiêm nhiệm; chưa được đào tạo, tập huấn đầy đủ làm cho công tác thực hiện báo cáo, đánh giá số liệu sau khi thu thập, tổng hợp còn nhiều hạn chế; đồng thời không có tên vị trí việc làm chuyên trách nên cán bộ thường bị thay đổi liên tục.

- Việc khai thác dữ liệu hồ sơ hành chính còn hạn chế do một số ngành còn có những quy định đặc thù riêng, có những đơn vị chưa xây dựng hoàn thiện dữ liệu của các chỉ tiêu được phân công, chưa ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

- Một số lãnh đạo các cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của công tác thống kê và vai trò, trách nhiệm của đơn vị trong việc cung cấp thông tin thống kê, dẫn tới chất lượng và thời hạn cung cấp số liệu thống kê chưa đảm bảo quy định.

Đối tượng cung cấp thông tin chấp hành quy định của pháp luật về thống kê chưa nghiêm, mặc dù đã có các nghị định hướng dẫn thi hành Luật, đặc biệt là Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê nhưng chế tài vẫn chưa đủ mạnh, chưa bảo đảm tính răn đe, giáo dục, quy trình thực hiện chế tài còn phức tạp, hành vi vi phạm của các đối tượng cung cấp thông tin không rõ ràng nên việc thực hiện gặp nhiều khó khăn.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê tại các Bộ, ngành, địa phương còn thiếu đồng bộ. Các cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành vẫn trong tình trạng rời rạc, ít cập nhật, chưa tích hợp thành một hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất của ngành, chưa tương xứng với khối lượng công việc phải thực hiện, gây khó khăn trong khâu thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng báo cáo và công tác phổ biến, chia sẻ thông tin thống kê.

- Một số chỉ tiêu thống kê có nội dung chưa được quy định nhất quán tại các văn bản pháp luật về thống kê và văn bản quản lý nhà nước chuyên ngành.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia hiện nay chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành theo định hướng, chiến lược phát triển mới và thực tiễn sản xuất (chưa có các chỉ tiêu phản ánh, đánh giá về chuyển đổi số; đóng góp của logistics;...).

- Nhu cầu thông tin thống kê phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nền kinh tế - xã hội của các cơ quan Đảng và Nhà nước trong thời gian qua ngày càng tăng cao về cả số lượng, chất lượng và độ tin cậy của thông tin thống kê. Cùng với đó, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cũng sử dụng thông tin thống kê ngày càng nhiều và đa dạng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

Mặc dù Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định trong Luật Thống kê đã có nhiều đổi mới, cập nhật, đón đầu xu hướng nhưng vẫn chưa đủ đáp ứng trong xu thế phát triển nhanh và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước để tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế và phù hợp hơn với điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của đất nước.

- Kinh phí để triển khai hoạt động: điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê chưa được bố trí đầy đủ tại các Bộ, ngành; chưa có văn bản quy định định mức, tiêu chuẩn, chế độ, chính sách về công tác thống kê và người làm công tác thống kê ở các Bộ, ngành.

5. Cơ sở sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2013/QH13

Tại Tờ trình Quốc hội số 322/TTr-CP ngày 06/9/2021, Chính phủ đã trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê với phạm vi điều chỉnh của Luật là chỉ sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia căn cứ Điều 18 Luật Thống kê về điều chỉnh, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia và xuất phát từ thực tiễn nhằm bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời phản ánh tình hình mới, bối cảnh mới phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã nghiên cứu và đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Điều 18 Luật Thống kê quy định về điều chỉnh, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia: “Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước và hội nhập quốc tế trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia theo thủ tục rút gọn”.

Mục đích sửa đổi, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia nhằm tạo cơ sở pháp lý để thực hiện kịp thời việc thu thập, tổng hợp và bảo đảm số liệu thống kê phản ánh khách quan, chính xác, kịp thời, đầy đủ, thống nhất, phục vụ Đảng, Nhà nước trong hoạch định đường lối, chính sách và điều hành phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy sự tăng trưởng.

Chỉ tiêu thống kê được sửa đổi, bổ sung bảo đảm cung cấp thông tin kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô (tầm quốc gia); phản ánh, đánh giá thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; chính sách về phát triển bền vững; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các nhóm chuyển đổi số, kinh tế số; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế bao trùm; nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics; giới và bình đẳng giới; quan hệ hội nhập quốc tế, cam kết quốc tế của Việt Nam,...

6. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê

Tại Tờ trình Quốc hội số 322/TTr-CP ngày 06/9/2021, Chính phủ chưa đặt ra việc sửa đổi toàn diện hoặc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê hiện hành. Quá trình triển khai xây dựng, các Bộ, ban, ngành đã phối hợp rất chặt chẽ và thống nhất cao về việc tập trung sửa Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tại Thông báo số 155/TB-TTKQH ngày 20/9/2021 của Tổng Thư ký Quốc hội về Kết luận số 01 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 3, tháng 9/2021, Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê.

Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với nhiều ý kiến xác đáng, tuy nhiên, các vấn đề đặt ra rất lớn, phức tạp, đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu cũng như đánh giá thực tiễn trong nước và quốc tế. Do đó, trên nguyên tắc và phương pháp thống kê đã được quốc tế công nhận, các quy định của Luật Thống kê, các Luật chuyên ngành có liên quan, khả năng có thể tính toán các chỉ tiêu thống kê do các Bộ, ngành đề xuất và thực tiễn triển khai của các quốc gia khác trên thế giới, Chính phủ đã nghiên cứu và đề nghị chỉ tập trung sửa đổi những nội dung lớn, đã rõ và thực hiện được ngay bảo đảm kịp thời cung cấp thông tin sát thực với tình hình phát triển của đất nước, phản ánh thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ mới, đồng thời, để có số liệu, thông tin thống kê phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, điều hành, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung 03 nội dung lớn nhằm làm rõ quy trình biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia; không ảnh hưởng, tác động đến các nội dung trong các điều, khoản khác của Luật Thống kê hiện hành. Tập trung làm sửa đổi, bổ sung 03 nội dung sau:

(1) Bổ sung quy định về việc giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương trình Chính phủ ban hành quy trình biên soạn Tổng sản phẩm trong nước (GDP) và Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP).

(2) Bổ sung quy định về việc định kỳ 05 năm rà soát về việc đánh giá lại quy mô Tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội.

(3) Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền công bố thông tin của người đứng đầu cơ quan thống kê cấp tỉnh đối với thông tin thống kê của chỉ tiêu chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tử của chỉ tiêu thống kê quốc gia.

7. Tại sao lại bổ sung quy định về quy trình biên soạn GDP, GRDP và rà soát về việc đánh giá lại quy mô GDP báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội?

(1) GDP, GRDP là những chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh thực trạng kinh tế của một quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trên thực tiễn, quy trình này đã được kiểm nghiệm; khắc phục được tình trạng chênh lệch số liệu GDP và GRDP giữa Trung ương với địa phương; chất lượng số liệu được nâng cao; bảo đảm kỳ hạn biên soạn và công bố số liệu GDP và GRDP

theo quy định; nâng cao trách nhiệm và sự phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành và địa phương trong việc biên soạn và công bố số liệu GDP, GRDP; bảo đảm tính đồng bộ và hệ thống, tính kết nối ở các khâu của quy trình; bảo đảm tính phù hợp giữa số liệu GDP, GRDP và các chỉ tiêu khác có liên quan như: Giá trị sản xuất (GO), chi phí trung gian (IC), giá trị tăng thêm (VA), chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, thuế sản xuất và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác.

(2) Quy trình biên soạn GDP, GRDP là quy trình mang tính kỹ thuật chuyên sâu, vì vậy Luật sửa đổi, bổ sung chỉ nên quy định trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành và thực hiện. Chính phủ ban hành quy trình này sẽ làm rõ trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương và cơ quan thống kê cấp tỉnh, cũng như trách nhiệm phối hợp của thống kê Bộ, ngành liên quan đến việc cung cấp và sử dụng các thông tin thống kê cho công tác biên soạn và đánh giá lại quy mô GDP, GRDP thường xuyên và định kỳ.

(3) Việc luật hóa các quy định trên sẽ tăng cường hiệu lực pháp lý; hiệu quả trong thu thập, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê; bảo đảm tính khả thi, minh bạch trong biên soạn, công bố GDP, GRDP.

NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ

8. Quan điểm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê

Trên nguyên tắc và phương pháp thống kê đã được quốc tế công nhận, các quy định của Luật Thống kê, các Luật chuyên ngành có liên quan; khả năng có thể tính toán các chỉ tiêu thống kê do các Bộ, ban, ngành đề xuất và thực tiễn triển khai của các quốc gia khác trên thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị chỉ tập trung sửa đổi những nội dung lớn, đã rõ và thực hiện được ngay bảo đảm kịp thời cung cấp thông tin sát thực với tình hình phát triển của đất nước, phản ánh thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ mới, chưa đặt ra việc sửa toàn diện các vấn đề của Luật Thống kê hiện hành.

9. Phạm vi, nội dung sửa đổi, bổ sung

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 17 như sau:

“6. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương:

a) Trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

b) Định kỳ 05 năm rà soát về việc đánh giá lại quy mô Tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 48 như sau:

“d) Người đứng đầu cơ quan thống kê cấp tỉnh công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Đối với thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tử của chỉ tiêu thống kê quốc gia phải thống nhất với cơ quan thống kê Trung ương trước khi công bố”.

3. Ban hành kèm theo Luật này Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia thay thế Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13.

10. Đối tượng áp dụng của Luật sửa đổi, bổ sung

Giữ nguyên đối tượng áp dụng của Luật Thống kê số 89/2015/QH13: Áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, thực hiện hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê.

11. Nguyên tắc xây dựng, sửa đổi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê

Việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thống kê quốc gia phải tuân thủ theo những nguyên tắc sau:

- **Thứ nhất**, thể chế hóa các đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác thống kê;

- **Thứ hai**, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII;

- **Thứ ba**, bảo đảm kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định mang tính ưu việt trong Luật Thống kê; khắc phục hạn chế, bất cập và bổ sung những quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước;

- **Thứ tư**, bảo đảm tính khả thi khi Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung được ban hành, áp dụng thuận lợi trong thực tiễn;

- **Thứ năm**, khẳng định và nâng cao vai trò của hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước, bảo đảm phù hợp với thực tiễn thống kê Việt Nam và các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc; bảo đảm so sánh quốc tế.

(1) GDP, GRDP là những chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh thực trạng kinh tế của một quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trên thực tiễn, quy trình này đã được kiểm nghiệm; khắc phục được tình trạng chênh lệch số liệu GDP và GRDP giữa Trung ương với địa phương; chất lượng số liệu được nâng cao; bảo đảm kỳ hạn biên soạn và công bố số liệu GDP và GRDP theo quy định; nâng cao trách nhiệm và sự phối hợp giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê trong việc biên soạn và công bố số liệu GDP, GRDP; bảo đảm tính đồng bộ và hệ thống, tính kết nối ở các khâu của quy trình; bảo đảm tính phù hợp giữa số liệu GDP và GRDP và các chỉ tiêu khác có liên quan như: Giá trị sản xuất (GO), chi phí trung gian (IC), giá trị tăng thêm (VA), chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, thuế sản xuất và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác.

(2) Quy trình biên soạn GDP và GRDP là quy trình mang tính kỹ thuật chuyên sâu, trong quy định của Luật chỉ nên quy định trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành và thực hiện quy trình này.

(3) Chính phủ ban hành quy trình này sẽ làm rõ trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương và cơ quan thống kê cấp tỉnh, cũng như trách nhiệm phối hợp của thống kê Bộ, ngành liên quan đến việc cung cấp và sử dụng các thông tin thống kê cho công tác biên soạn và điều chỉnh GDP và GRDP thường xuyên và định kỳ.

DỰ THẢO PHỤ LỤC – DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA

12. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là gì?

(1) Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là tập hợp các chỉ tiêu thống kê chủ yếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm thu thập thông tin thống kê hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia.

(2) Việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Phản ánh được tình hình kinh tế - xã hội của quốc gia;
- b) Phù hợp với thực tiễn Việt Nam;
- c) Phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

(3) Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm:

a) Các chỉ tiêu thống kê quốc gia do hệ thống tổ chức thống kê tập trung thực hiện;

b) Các chỉ tiêu thống kê quốc gia do bộ, ngành được phân công thực hiện.

(4) Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là cơ sở phân công, phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê, chế độ báo cáo thống kê và chương trình khác có liên quan đến hoạt động thống kê.

(5) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

13. Dự thảo Phụ lục – Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê kết cấu như thế nào?

Kết cấu Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm 3 cột: (1) Số thứ tự; (2) Mã số; (3) Nhóm, tên chỉ tiêu với 20 nhóm và 222 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

- Nhóm 01. Đất đai, dân số: 14 chỉ tiêu;
- Nhóm 02. Lao động, việc làm và bình đẳng giới: 12 chỉ tiêu;
- Nhóm 03. Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp: 06 chỉ tiêu;
- Nhóm 04. Đầu tư và xây dựng: 09 chỉ tiêu;

- Nhóm 05. Tài khoản quốc gia: 17 chỉ tiêu;
- Nhóm 06. Tài chính công: 10 chỉ tiêu;
- Nhóm 07. Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán: 23 chỉ tiêu;
- Nhóm 08. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 14 chỉ tiêu;
- Nhóm 09. Công nghiệp: 08 chỉ tiêu;
- Nhóm 10. Thương mại, dịch vụ: 10 chỉ tiêu;
- Nhóm 11. Chỉ số giá: 09 chỉ tiêu;
- Nhóm 12. Giao thông vận tải: 10 chỉ tiêu;
- Nhóm 13. Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông: 23 chỉ tiêu;
- Nhóm 14. Khoa học và công nghệ: 06 chỉ tiêu;
- Nhóm 15. Giáo dục: 04 chỉ tiêu;
- Nhóm 16. Y tế và chăm sóc sức khỏe: 09 chỉ tiêu;
- Nhóm 17. Văn hóa, thể thao và du lịch: 08 chỉ tiêu;
- Nhóm 18. Mức sống dân cư: 08 chỉ tiêu;
- Nhóm 19. Trật tự, an toàn xã hội và tư pháp: 10 chỉ tiêu;
- Nhóm 20. Bảo vệ môi trường: 12 chỉ tiêu.

14. Nội dung của chỉ tiêu gồm: khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp được quy định như thế nào?

Nội dung chỉ tiêu thống kê gồm: Khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu của chỉ tiêu thống kê và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp sẽ được **quy định** tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung được thông qua*).

15. Tiêu chí phân biệt chỉ tiêu thống kê quốc gia với chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo 03 tiêu chí sau:

(1) Phản ánh, đánh giá đầy đủ, toàn diện tình hình phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước trong một thời kỳ nhất định;

(2) Phục vụ Đảng và Nhà nước chỉ đạo, quản lý, điều hành kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô (tầm quốc gia); hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế và đánh giá kết quả thực hiện;

(3) phải đảm bảo so sánh quốc tế, phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và thực tiễn của Việt Nam.

16. Nguyên tắc xây dựng, lựa chọn chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Phụ lục – Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

Quá trình xây dựng, lựa chọn các chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- **Một là**, chỉ tiêu thống kê được lựa chọn quy định tại danh mục phải phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phản ánh, lượng hóa việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là những chủ trương, chính sách trong bối cảnh mới. Đó là những thông tin, số liệu về kinh tế - xã hội chủ yếu ở tầm quốc gia.

- **Hai là**, chỉ tiêu thống kê được lựa chọn quy định tại danh mục phải đảm bảo tính khả thi - tức là chỉ tiêu thống kê phải thu thập, tổng hợp và biên soạn được trên thực tiễn. Nguyên tắc này đòi hỏi phải: (i) bảo đảm kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định mang tính ưu việt trong Luật Thống kê; (ii) bảo đảm thống nhất, tương thích và tính so sánh quốc gia, giữa các vùng miền nhưng vẫn đáp ứng được các điều kiện thực tiễn; (iii) bảo đảm thống nhất với các hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các hệ thống chỉ tiêu thống kê đa ngành, đa lĩnh vực và liên kết vùng.

- **Ba là**, chỉ tiêu thống kê được lựa chọn quy định tại danh mục phải bảo đảm so sánh quốc tế; phù hợp với thực tiễn thống kê và tuân thủ các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc.

Bên cạnh đó, **đối với từng chỉ tiêu cụ thể thì** việc xác định, lựa chọn từng chỉ tiêu phải bảo đảm theo nguyên tắc SMART, cụ thể như sau: S (Simply): Đơn giản (dễ phân tích và dễ sử dụng); M (Measurable): Có thể đo lường được (dễ xác nhận số liệu thống kê, tái sản xuất và thể hiện rõ xu hướng); A (Accessible): Có thể tiếp cận (được giám sát định kỳ, hiệu quả và nhất quán); R (Reference): Tương thích (trực tiếp đáp ứng những vấn đề hoặc những mục đích đã thống nhất); T (Timely): Kịp thời (cung cấp những cảnh báo sớm về các vấn đề tiềm năng).

Ngoài ra, các đặc điểm quan trọng khác cần được cân nhắc khi lựa chọn các chỉ tiêu là: Có thể sử dụng với tất cả các bên liên quan; thích hợp với các khung quốc tế hiện hành; tính toàn cầu; định hướng hành động; rõ ràng, thống nhất về các khái niệm; thích ứng rộng rãi với thông tin hệ thống; được xây

dựng từ những nguồn dữ liệu tin cậy; được phân loại; tập trung kết quả nếu có thể; cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp số liệu; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị có liên quan; tính sẵn có về số liệu của từng chỉ tiêu.

17. Phụ lục – Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh, giám sát những chính sách nào?

Chỉ tiêu thống kê được sửa đổi, bổ sung bảo đảm số liệu về kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô phản ánh, đánh giá thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; chính sách về phát triển bền vững; cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các nhóm chuyển đổi số, kinh tế số; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế bao trùm; nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics..; giới và bình đẳng giới; quan hệ hội nhập quốc tế, cam kết quốc tế của Việt Nam. Cụ thể:

Stt	Nội dung	Số chỉ tiêu
1	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng XIII	18
2	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030	17
3	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đánh giá thực hiện nội dung nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững	55
4	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số	23
5	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đánh giá thực trạng thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics	12
6	Giới và bình đẳng giới	
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh, đánh giá về giới và bình đẳng giới tại Việt Nam	26
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng với các chỉ tiêu thống kê giới toàn cầu	10
7	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu	34

Stt	Nội dung	Số chỉ tiêu
8	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng với các chỉ tiêu thống kê khu vực ASEAN	29
9	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, bộ chỉ tiêu đánh giá đổi mới sáng tạo toàn cầu	
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông	5
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu đánh giá đổi mới sáng tạo toàn cầu	3
10	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh kinh tế xanh, tăng trưởng xanh	24
11	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh kinh tế tuần hoàn	5
12	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh kinh tế bao trùm	7
13	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh môi trường và biến đổi khí hậu	12
14	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh vùng, liên kết vùng	130
15	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh liên quan đến trẻ em	11

18. So với danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13, Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia lần này thay đổi như thế nào?

*** Về nhóm chỉ tiêu**

Sửa tên 03 nhóm chỉ tiêu, cụ thể:

- Nhóm “07. Tiền tệ và bảo hiểm” sửa tên thành “07. Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán” do bổ sung các chỉ tiêu về chứng khoán.

- Nhóm “11. Giá cả” sửa tên thành “11. Chỉ số giá” vì nhóm này gồm các chỉ số giá.

- Nhóm “13. Công nghệ thông tin và truyền thông” sửa tên thành “13. Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông” để bảo đảm phản ánh đầy đủ phạm vi theo các lĩnh vực trong nhóm: Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông.

*** Về chỉ tiêu**

- Giữ nguyên: 129 chỉ tiêu thống kê do vẫn còn phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm tính khả thi và bảo đảm phản ánh được tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

- Sửa tên: 46 chỉ tiêu thống kê để phù hợp tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành đồng thời bảo đảm so sánh quốc tế.

- Bổ sung: 47 chỉ tiêu thống kê để phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ được ban hành trong thời gian gần đây, như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

- Bỏ: 11 chỉ tiêu thống kê do không còn phù hợp với thực tế, không bảo đảm tính khả thi hoặc đã có trong nội dung của chỉ tiêu thống kê khác.

(Chi tiết theo “Phụ lục 1 - Danh mục thể hiện chi tiết việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thống kê quốc gia” đính kèm).

(5) Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới trong thời gian gần đây, cụ thể như sau:

- 18 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- 17 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030;

- 55 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nội dung về phát triển bền vững;

- 23 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá việc thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các nhóm chuyên đổi số, kinh tế số;

- 12 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics;

- 26 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá về giới và bình đẳng giới.

(6) Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, quy định các chỉ tiêu thống kê phản ánh quan hệ hội nhập quốc tế, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, cụ thể như sau:

- 10 chỉ tiêu thống kê tương ứng với các chỉ tiêu thống kê giới ở cấp độ toàn cầu;

- 34 chỉ tiêu thống kê tương ứng với các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững ở cấp độ toàn cầu (SDG);

- 29 chỉ tiêu thống kê tương ứng với các chỉ tiêu thống kê cấp độ ASEAN;

- 05 chỉ tiêu thống kê thuộc bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông toàn cầu (IDI);

- 03 chỉ tiêu thống kê thuộc bộ chỉ tiêu đánh giá Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới.

(7) Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật các chỉ tiêu thống kê phản ánh, dự báo, đo lường sự phát triển của kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế bao trùm, cụ thể như sau:

- 24 chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế xanh, tăng trưởng xanh;

- 05 chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế tuần hoàn;

- 07 chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế bao trùm.

(8) Ngoài ra, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, quy định các chỉ tiêu thống kê về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu; các chỉ tiêu thống kê phản ánh liên kết vùng và nhóm yếu thế

- 12 chỉ tiêu thống kê về môi trường và biến đổi khí hậu.

- 130 chỉ tiêu thống kê phản ánh liên kết vùng (có phân tổ theo vùng).

- 11 chỉ tiêu thống kê liên quan đến trẻ em.

(Chi tiết theo “Phụ lục 2 - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh chính sách, pháp luật trong thời gian gần đây” đính kèm).